

Số: **14** /2017/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **10** tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-BTVQH10 ngày 4 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

- 1) Diện tích tưới, tiêu do các Công ty khai thác công trình thủy lợi phục vụ.
 - a) Diện tích được tưới, tiêu chủ động
 - Đối với diện tích đất trồng lúa:
 - + Tưới, tiêu chủ động bằng động lực vùng đồng bằng; mức giá là 1.646.000 đồng/ha/vụ.
 - + Tưới, tiêu chủ động bằng trọng lực vùng đồng bằng; mức giá là 1.152.000 đồng/ha/vụ.



- Đối với diện tích trồng rau, màu, mạ cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Đông thì mức giá tính bằng 40% mức giá của diện tích trồng lúa tương ứng với từng biện pháp công trình.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản:

+ Đối với diện tích ao, đầm, hồ chuyên nuôi trồng thủy sản được công trình thủy lợi cấp và tiêu nước, thay nước theo kỹ thuật nuôi trồng thủy sản quy định (*thời gian từ 09 tháng trở lên trong một năm*); mức giá là 250 đồng/m² mặt nước/năm (*lấy diện tích được giao sử dụng đất làm căn cứ*).

+ Diện tích chuyên nuôi trồng thủy sản nhưng công trình thủy lợi chỉ cấp nước lần đầu mà không thay nước theo yêu cầu kỹ thuật; mức giá là 125 đồng/m² mặt nước/năm.

+ Đối với diện tích chuyển đổi từ sản xuất 02 lúa sang sản xuất đa canh theo mô hình Lúa - Cá, quy định như sau:

++ Diện tích trồng lúa thì mức giá theo mức của cây lúa.

++ Diện tích đã cấy lúa sau khi thu hoạch lúa, thời gian còn lại trong năm nuôi trồng thủy sản, thì mức giá lấy theo nuôi trồng thủy sản với mức 125 đồng/m² mặt nước.

b) Diện tích được tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá được tính bằng 60% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động.

c) Diện tích chỉ tạo nguồn tưới, tiêu:

- Diện tích tạo nguồn bằng động lực: Mức giá bằng 50% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động bằng động lực.

- Diện tích tạo nguồn bằng trọng lực: Mức giá bằng 40% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động bằng trọng lực.

d) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch, được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tưới tiêu chủ động.

đ) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới là 70%, mức giá cho tiêu là 30% mức giá quy định ở trên.

e) Các mức giá nêu trên là mức giá tính từ cống đầu kênh của Tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của Công trình thủy lợi và là mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

2) Các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trong vùng hệ thống thủy lợi do các Công ty khai thác công trình thủy lợi quản lý (*gọi tắt là HTX trong vùng*) phải bơm chuyển tiếp phần sau của các Công ty khai thác công trình thủy lợi để thực hiện đến mức chủ động được tính mức giá như sau:

- Tưới, tiêu tiếp từ tạo nguồn mức giá bằng 50% mức giá tưới, tiêu chủ động của từng loại cây trồng tương ứng.

- Tưới, tiêu tiếp từ chủ động một phần thì mức giá bằng 40% mức giá tưới tiêu chủ động của từng loại cây trồng tương ứng.

3) Các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ngoài vùng hệ thống thủy lợi do các Công ty khai thác công trình thủy lợi phục vụ (gọi tắt là các HTX ngoài vùng) tự quản lý công trình đầu mối lấy nước từ sông tự nhiên (sông Hồng, sông Đáy...) mức giá của những diện tích tưới tiêu được tính như mức giá trong vùng của các Công ty khai thác công trình thủy lợi.

Điều 2. Mức giá quy định tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ để lập dự toán, giao dự toán, đặt hàng tưới, tiêu với các đơn vị làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Các quy định về giá dịch vụ công ích thủy lợi ngoài Quyết định này phải tuân theo quy định tại Luật giá và các văn bản khác có liên quan. Về thủ tục đặt hàng, cấp phát thanh quyết toán cho các đơn vị quản lý thủy nông thực hiện theo Quyết định số 84/2013/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của Nhà nước hiện hành.

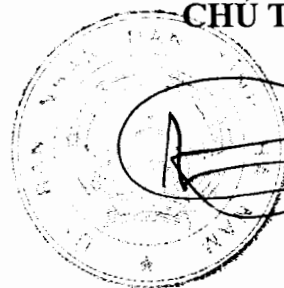
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Giám đốc các Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ NN & PTNT; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP, NN&TNMT (HA);
- Website Hà Nam;
- Lưu: VT, KT.

QĐ 06/2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đông

